

**BẢNG TỔNG HỢP
TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý
ĐỐI VỚI DỰ THẢO PHÁP LỆNH CHI PHÍ TỔ TỤNG**

I. DỰ THẢO TỜ TRÌNH

Nội dung	Nội dung góp ý	Tiếp thu/ giải trình
Về cơ sở pháp lý (Mục I dự thảo)	<p>- Cơ sở pháp lý còn sơ sài và cần được bổ sung nội dung phân tích, lý giải về cơ sở pháp lý của việc ban hành Pháp lệnh. (Bộ Tư pháp).</p> <p>- Tại mục I.1 dự thảo Tờ trình mới chỉ đề cập đến một số quy định liên quan, chưa phân tích, làm rõ các cơ sở pháp lý ban hành Pháp lệnh. Do đó, đề nghị bổ sung các nội dung về phân tích, luận giải kỹ lưỡng hơn đối với cơ sở pháp lý tại phần này. (Viện Kiểm sát nhân dân tối cao).</p> <p>- Khoản 1 Điều 16 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: “Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh để quy định những vấn đề được Quốc hội giao”. Tuy nhiên, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không có quy định giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định cụ thể về các loại chi phí tố tụng quy định tại Điều 135 Bộ luật này. Do đó, đề nghị nêu rõ căn cứ quy định về các chi phí tố tụng hình sự tại dự thảo Pháp lệnh để có cơ sở đầy đủ, thuyết phục hơn. (Bộ Công an)</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý
Về cơ sở thực tiễn (Mục I dự thảo)	<p>- Cần bổ sung thông tin rõ ràng, thuyết phục hơn và đảm bảo logic với những nội dung mới được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Pháp lệnh để giải quyết các vướng mắc, khó khăn của hoạt động tố tụng. Chẳng hạn, mục I.2.2 dự thảo Tờ trình nêu một số vướng mắc trong thực hiện quy định về chi phí hoạt động giám định (trang 3) nhưng chưa phân tích, đánh giá rõ những khó khăn, vướng mắc và dự thảo Pháp lệnh cũng chưa có giải pháp để giải quyết các bất cập này . (Bộ Tư pháp)</p> <p>- Đề nghị phân tích rõ hơn về thực trạng quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng quy định về các loại chi phí tố tụng, đặc biệt, cần đánh giá kỹ lưỡng những kết quả đạt được và những khó khăn, vướng mắc trên thực tiễn để từ đó xác định những nội dung cần kế thừa, phát triển từ quy định của pháp luật hiện hành, nội dung nào cần sửa đổi, bổ sung, thay thế để góp phần giải quyết những bất cập trên thực tiễn.</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý

	(Bộ Công an)	
Về cơ sở chính trị (Mục I dự thảo)	Cần nhắc bổ sung nội dung về cơ sở chính trị của việc xây dựng Pháp lệnh tại mục I dự thảo Tờ trình, trong đó nêu và phân tích chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp, yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật về chi phí tố tụng để có sự logic với quan điểm xây dựng Pháp lệnh thể hiện tại mục II.2.a dự thảo Tờ trình. (Bộ Tư pháp)	Tiếp thu ý kiến góp ý
Quá trình xây dựng Pháp lệnh (Mục III dự thảo)	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện hoạt động nghiên cứu, khảo sát kỹ thực tế, tổ chức các buổi họp, trao đổi, thảo luận chuyên sâu và bổ sung thông tin về các hoạt động này tại dự thảo Tờ trình. VD: Khảo sát vấn đề chi phí giám định tư pháp tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã và đang thực hiện giám định ở nhiều lĩnh vực khác nhau; họp, trao đổi, thảo luận chuyên sâu về chi phí giám định tư pháp với đại diện một số bộ, ngành quản lý chuyên môn lĩnh vực giám định và một số tổ chức giám định tư pháp ở cấp Trung ương. (Bộ Tư pháp)	Tiếp thu ý kiến góp ý
Bố cục và nội dung cơ bản của Dự thảo Pháp lệnh (Mục IV dự thảo)	- Đề nghị trình bày thể hiện mục IV thành 2 mục rõ ràng như sau: + Mục (1): Bố cục của dự thảo Pháp lệnh + Mục (2): Nội dung cơ bản của dự thảo Pháp lệnh (Đảm bảo đúng Quy định tại mẫu số 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ). - Đối với phần (2) Nội dung cơ bản của dự thảo Pháp lệnh: Cần thống kê được số lượng điều khoản kế thừa, điều khoản được sửa đổi, bổ sung và điều khoản mới, thay thế so với Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch (sau đây viết tắt là Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13). Đồng thời, thay vì việc trích tên chương, điều khoản của dự thảo Pháp lệnh, mục về nội dung cơ bản cần nêu nội dung chính, phân tích các điểm mới, điểm sửa đổi, bổ sung và làm rõ các quy định này sẽ giải quyết khó khăn, vướng mắc nào. - Cần nhắc bổ sung thông tin về các chính sách, giải pháp được lựa chọn của chính sách (thể hiện tại hồ sơ Đề nghị xây dựng Pháp lệnh) làm căn cứ để các cơ quan có liên quan rà soát tính phù hợp của nội dung dự thảo Pháp lệnh với các chính sách, giải pháp đã được thông qua. (Bộ Tư pháp) - Đề nghị xem xét tách, chuyển 09 điều từ Điều 5 đến Điều 13 thành một chương (Miễn, giảm, giải quyết khiếu nại về chi phí tố tụng) và chuyển xuống đặt trước Chương XII Kinh phí thanh toán chi phí tố tụng thì phù hợp hơn, vì nội dung các điều này quy	Tiếp thu ý kiến góp ý

	<p>định cụ thể về miễn giảm chi phí tố tụng, không phải là quy định chung nên cần được đặt sau các quy định cụ thể về chi phí tố tụng, chi trả chi phí tố tụng.</p> <p>(Liên đoàn Luật sư Việt Nam)</p>	
<p>Tính thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan; tính tương thích với các Điều ước quốc tế có liên quan (mục V dự thảo)</p>	<p>- Cân nhắc bổ sung tiêu đề và nội dung về sự phù hợp của dự thảo Pháp lệnh với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước. Theo đó, cần có sự rà soát kỹ lưỡng quy định của dự thảo để đảm bảo phù hợp với một số định hướng quan trọng của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phòng chống tham nhũng, cải cách chính sách tiền lương.</p> <p>- Về Chi phí tố tụng: Rà soát kỹ lưỡng các chủ trương như chủ trương sắp xếp lại các chế độ phụ cấp hiện hành tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp (Nghị quyết số 27-NQ/TW). Ngoài ra, đề nghị rà soát lại các đối tượng được hưởng “chi phí tiền lương, thù lao” tại dự thảo Pháp lệnh này với các đối tượng tại Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự, vì về bản chất “chi phí tiền lương, thù lao” tại dự thảo Pháp lệnh và “chế độ bồi dưỡng” tại Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg đều là các chế độ mang tính chất lương hoặc bồi dưỡng để thực hiện cùng một công việc cụ thể khi tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự. Do đó, cần có sự rà soát lại để tránh trùng lặp về mặt chế độ, chính sách.</p> <p>(Bộ Tư pháp)</p> <p>- Về Chi phí sao chụp tài liệu (tiểu mục 1.2.1 dự thảo Tờ trình).</p> <p>Căn cứ Điều 169 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS), Điều 370 Luật Tố tụng hành chính, đồng thời để bảo đảm phù hợp và thực hiện đúng, hiệu quả các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về việc sao chụp tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội, bào chữa và việc Viện kiểm sát sao chụp hồ sơ sau khi nhận được thông báo thụ lý hồ sơ của Tòa án cùng cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15; VKSND tối cao đề nghị bổ sung quy định chi phí sao chụp tài liệu vào dự thảo Pháp lệnh.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p> <p>- Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (tại tiểu mục 1.2.3 dự thảo Tờ trình):</p> <p>VKSND tối cao thống nhất với loại ý kiến thứ nhất theo hướng bổ sung loại chi phí này để giải quyết các chi phí thực tế phát sinh hiện đang gây các khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết tại Tòa án.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p> <p>- Về miễn giảm chi phí giám định, xem xét thẩm định tại chỗ trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính (Mục 2 trang 12 dự thảo Tờ trình)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

	<p>VKSND tối cao nhất trí với việc dự thảo Pháp lệnh tiếp tục kế thừa các quy định của Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 về việc miễn, giảm tiền đối với tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định và việc mở rộng đối tượng được miễn, giảm; nhất trí quy định về miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Việc sửa đổi, bổ sung như vậy sẽ bảo đảm thực hiện tốt các chính sách nhân đạo, ưu tiên nhằm hỗ trợ một cách phù hợp và cần thiết đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	
<p>Nội dung xin ý kiến (Mục VI dự thảo)</p>	<p>- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thể hiện đầy đủ về vấn đề còn có ý kiến khác nhau; phương án được đưa ra lựa chọn; ưu, nhược điểm của từng phương án; lựa chọn và lý do lựa chọn của cơ quan chủ trì soạn thảo.</p> <p>(Bộ Tư pháp)</p> <p>- Về các nội dung cần xin ý kiến tại dự thảo Tờ trình, đề nghị phân tích ưu, nhược điểm của các phương án và quan điểm, lý do lựa chọn phương án của cơ quan chủ trì soạn thảo. Trên cơ sở đó, các cơ quan liên quan mới có căn cứ để tham gia ý kiến.</p> <p>(Bộ Công an)</p> <p>- Về Chi phí cho Hội thẩm (Phần 1.1 – Mục VI dự thảo):</p> <p>+ Hiện nay Luật Tổ chức Tòa án (sửa đổi) đang ghi nhận hai vấn đề về Chế độ chính sách đối với Hội thẩm nhân dân: (1) Khi tham gia các hoạt động tại Tòa án, Hội thẩm được thanh toán các khoản chi phí có liên quan theo quy định của Pháp luật. (2) Hội thẩm được hưởng phụ cấp xét xử. Chế độ phụ cấp xét xử sẽ được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định theo đề nghị của Hội đồng Tư pháp quốc gia. Việc này dẫn tới “Chi phí hội thẩm” sẽ được ghi nhận theo quy định của Pháp lệnh chi phí tố tụng còn “Phụ cấp xét xử” sẽ được Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định riêng theo đề nghị của Hội đồng Tư pháp quốc gia. Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo tách riêng Chi phí hội thẩm không bao gồm Phụ cấp xét xử. Chi phí này là số tiền cần thiết và hợp lý phải chi trả cho việc thực hiện các hoạt động tố tụng của Hội thẩm (như chi phí đi lại, lưu trú, các chi phí khác theo quy định của Pháp luật). Đề nghị cơ quan soạn thảo Pháp lệnh cần có sự phối hợp với bộ phận soạn thảo Luật Tổ chức Tòa án (sửa đổi) về “Chi phí hội thẩm” để có sự thống nhất.</p> <p>(Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam)</p> <p>+ Không nên điều chỉnh về chi phí cho Hội thẩm nhân dân vì các lý do sau đây:</p> <p>* Hội thẩm nhân dân là một trong những “Người tiến hành tố tụng” là người đại diện cho Nhà nước nhưng chi phí cho Hội thẩm nhân dân lại được dự kiến điều chỉnh trong Pháp lệnh này. Tuy nhiên, cùng là người tiến hành tố tụng nhưng chi phí cho Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên... lại không được xem xét quy định trong Pháp lệnh này.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

	<p>* Theo quy định tại Điều 84 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân thì Hội thẩm gồm Hội thẩm nhân dân và Hội thẩm quân nhân, nhưng Dự thảo Pháp lệnh chỉ quy định về chi phí cho Hội thẩm nhân dân mà không đề cập về chi phí cho Hội thẩm quân nhân.</p> <p>(Liên đoàn Luật sư Việt Nam)</p> <p>+ Hiện nay, theo quy định Hội thẩm được hưởng chế độ bồi dưỡng (bồi dưỡng theo ngày thực tế tham gia phiên tòa, phiên họp và ngày làm việc nghiên cứu hồ sơ tại Tòa án) tại Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự; Trưởng đoàn Hội thẩm và Phó Trưởng đoàn Hội thẩm được hưởng phụ cấp hoạt động hằng tháng tại Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13/06/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn hội thẩm. Vì vậy để tránh trùng lặp và bảo đảm thống nhất trong thực hiện chế độ, chính sách, đề nghị lựa chọn phương án thứ hai: Không đưa chi phí cho Hội thẩm vào phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh này.</p> <p>(Bộ Nội Vụ)</p> <p>- Về Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (Phần 1.1.3 – Mục VI dự thảo): Đây là một hình thức cấp tổng đạt được quy định tại Chương X Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Chương VII Luật Tố tụng hành chính (LTTHC) về cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng. Vì vậy Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với các văn bản tố tụng của các cơ quan tố tụng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh Chi phí tố tụng. Theo quy định tại Điều 170 của BLTTDS và Điều 99 của LTTHC việc cấp, tổng đạt thông báo văn bản tố tụng là nghĩa vụ cũng như trách nhiệm của Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án dân sự (ngoại trừ một số biện pháp cấp, tổng đạt khác có yếu tố nước ngoài theo quy định Pháp luật)</p> <p>(Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam)</p>	
--	--	--

II. DỰ THẢO PHÁP LỆNH

Nội dung	Nội dung góp ý	Tiếp thu/ giải trình
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Pháp lệnh này quy định về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm	Tại Hồ sơ đề nghị xây dựng Pháp lệnh , cơ quan lập đề nghị xác định phạm vi điều chỉnh	Tiếp thu ý kiến góp ý

định tại chỗ, chi phí giám định, chi phí định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật, chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý, Bào chữa viên nhân dân, chi phí cho người chứng kiến, chi phí cho Hội thẩm nhân dân và chi phí tố tụng khác (sau đây gọi chung là chi phí tố tụng) theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Pháp lệnh về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và Pháp lệnh về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

của Pháp lệnh là quy định về “Pháp lệnh này quy định về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch, chi phí cho người dịch thuật, chi phí cho người chứng kiến, chi phí cho người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự và tố tụng hành chính”. Điều 1 Dự thảo Pháp lệnh được xây dựng theo hướng sửa đổi, bổ sung Điều 1 Pháp lệnh số 02/2012/ UBTVQH13 đồng thời tích hợp một số chi phí tố tụng đã được ghi nhận trong các văn bản pháp luật hiện hành. So với chính sách đã được trình thì có một số chi phí sau chưa được xác định tại hồ sơ đề nghị xây dựng Pháp lệnh: (1) chi phí cho Bào chữa viên nhân dân, Hội thẩm nhân dân và (2) chi phí tố tụng khác theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) (sau đây viết tắt là Luật BHVBQPPL) thì cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức xây dựng dự án Pháp lệnh theo mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách đã được xây dựng trong hồ sơ đề nghị xây dựng pháp lệnh. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định về phạm vi điều chỉnh của dự thảo Pháp lệnh để đảm bảo phù

hợp với chính sách đã được trình hoặc giải trình, đánh giá tác động bổ sung.

(Bộ Tư pháp)

- Đề nghị xây dựng gọn lại Điều 1 để có tính bao quát hơn vì so sánh với Điều 2 Chi phí tố tụng của dự thảo trùng lặp nhiều khái niệm

(Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam)

- Điều 1 Dự thảo quy định về phạm vi điều chỉnh quá dài, liệt kê các loại chi phí đã được quy định tại khoản 1 Điều 2. Do đó, theo chúng tôi Điều 1 nên thể hiện ngắn gọn hơn, theo hướng “Pháp lệnh này quy định về chi phí tố tụng; thu, nộp, thanh toán và miễn, giảm chi phí tố tụng.”

(Liên đoàn Luật sư Việt Nam)

- Một số nội dung quy định cụ thể tại dự thảo Pháp lệnh chưa thống nhất với phạm vi điều chỉnh, cụ thể:

+Tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên đều quy định về chi phí giám định. Tuy nhiên, về nội dung miễn, giảm chi phí giám định, từ Điều 4 đến Điều 12 dự thảo Pháp lệnh chỉ quy định về chi phí giám định trong tố tụng dân sự và tố tụng hành chính.

+ Chương VI dự thảo Pháp lệnh chỉ quy định về chi phí cho người làm chứng trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính; trong khi đó, điểm a khoản 4 Điều 135 Bộ luật

	<p>Tổ tụng hình sự quy định chi phí cho người làm chứng là một loại chi phí tố tụng. (Bộ Công an)</p>	
<p>Điều 2. Chi phí tố tụng</p> <p>1. Chi phí tố tụng trong Pháp lệnh này bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; b) Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; c) Chi phí giám định; d) Chi phí định giá tài sản; đ) Chi phí cho người làm chứng; e) Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật; g) Chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý, Bào chữa viên nhân dân; h) Chi phí cho người chứng kiến; i) Chi phí cho Hội thẩm nhân dân; k) Chi phí sao chụp tài liệu; l) Chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định; m) Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; n) Chi phí tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án Việt Nam đối với yêu cầu công nhận và cho thi hành hoặc không công nhận tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài; o) Chi phí khác theo quy định của pháp luật. <p>2. Chi phí tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều này là số tiền cần thiết và hợp lý phải chi trả cho việc thực hiện các hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật do cơ quan có thẩm quyền xác định căn cứ vào quy định của Pháp lệnh này và của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Đề nghị bổ sung nội dung giải thích, làm rõ nội hàm về các loại chi phí tố tụng quy định tại dự thảo Pháp lệnh.</p>	

<p>Điều 3. Nguyên tắc thu, chi tiền chi phí tố tụng</p> <p>Các chi phí tố tụng phải được thu, nộp, quản lý, sử dụng theo quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Quy định như vậy còn chung chung, trong khi đó, pháp luật chưa có quy định cụ thể về chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng các loại chi phí tố tụng. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung vào dự thảo Pháp lệnh quy định cụ thể nguyên tắc, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng các loại chi phí tố tụng.</p> <p>(Bộ Công an)</p>	<p>Sẽ tiếp thu sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính</p>
<p>Điều 4. Miễn, giảm và nguyên tắc miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>Việc miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Pháp lệnh này áp dụng đối với người có yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ, người có yêu cầu giám định, được cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận và chi miễn, giảm đối với việc giám định do tổ chức giám định công lập thực hiện, các hoạt động có sử dụng dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp.</p>		
<p>Điều 5. Miễn tiền tạm ứng chi phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>1. Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ được miễn tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định.</p> <p>2. Trường hợp các đương sự thỏa thuận một bên chịu toàn bộ hoặc một phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định phải nộp mà bên chịu toàn bộ hoặc một phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định phải nộp thuộc trường hợp được miễn nộp thì Tòa án chỉ xem xét miễn đối với phần mà người thuộc trường hợp được miễn phải chịu theo quy định của Pháp lệnh này. Phần chi phí tố tụng mà người đó nhận nộp thay người khác thì không được miễn nộp.</p>	<p>-Bổ sung thêm đối tượng là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý (TGPL) vào quy định tại khoản 1 Điều 5 Dự thảo Pháp lệnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong chính sách của Nhà nước dành cho nhóm đối tượng được TGPL. Hiện nay, Nhà nước đã miễn phí toàn bộ chi phí cử người tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ trong vụ việc tố tụng. Do đó, đề nghị miễn tiền tạm ứng chi phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính dành cho nhóm đối tượng này.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

	<p>Cụ thể như sau: “1. Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở các thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ, các đối tượng thuộc diện được TGPL được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ được miễn tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định. phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định”.</p> <p>(Bộ Tư pháp)</p> <p>Khoản 2 Điều 5 dự thảo Pháp lệnh, đề nghị bỏ nội dung “<i>mà người thuộc trường hợp được miễn phải chịu theo quy định của Pháp lệnh này</i>” do trùng lặp với nội dung trước đó tại khoản này.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	
<p>Điều 6. Giảm tiền tạm ứng chi phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>1. Người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú thì được giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định.</p> <p>2. Người thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này vẫn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định khi thuộc một trong các trường hợp sau</p>		

<p>đây:</p> <p>a) Có căn cứ chứng minh người được giảm tiền tạm ứng chi phí tố tụng không phải là người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có tài sản để nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định;</p> <p>b) Theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì họ có tài sản để nộp toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định mà họ phải chịu.</p> <p>3. Trường hợp các đương sự thỏa thuận một bên chịu toàn bộ hoặc một phần số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định phải nộp mà bên chịu toàn bộ hoặc một phần số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định phải nộp thuộc trường hợp được giảm thì Tòa án chỉ giảm đối với phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định mà người thuộc trường hợp được giảm phải chịu theo quy định của Pháp lệnh này. Phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định mà người đó nhận nộp thay người khác thì không được giảm.</p>		
<p>Điều 7. Thủ tục đề nghị miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định, người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định là người thuộc đối tượng được miễn, giảm quy định tại Điều 5, Điều 6 của Pháp lệnh này phải có đơn đề nghị gửi Tòa án kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm.</p> <p>2. Đơn đề nghị miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định phải có các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Ngày, tháng, năm làm đơn;</p> <p>b) Họ, tên, địa chỉ của người làm đơn;</p> <p>c) Đối tượng xem xét, thẩm định; đối tượng trung cầu giám định;</p> <p>d) Lý do, căn cứ đề nghị miễn, giảm.</p>		
<p>Điều 8. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p>	<p>Đề nghị bổ sung nội dung khi Tòa án quyết định miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí tố tụng và quyết định miễn giảm chi phí tố</p>	<p>Giải trình: dự thảo Pháp lệnh kế thừa Pháp lệnh số</p>

<p>1. Đối với vụ án dân sự, vụ án hành chính, thẩm quyền quyết định miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định như sau:</p> <p>a) Trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có thẩm quyền xét đơn đề nghị và quyết định việc miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. Trường hợp chấp nhận đề nghị miễn, giảm của đương sự thì trong quyết định phải nêu rõ số tiền được miễn, giảm. Trường hợp không chấp nhận thì trong quyết định phải nêu rõ lý do. Quyết định này phải được gửi cho người đề nghị; đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ phục vụ xem xét, thẩm định tại chỗ; tổ chức, cá nhân thực hiện giám định biết trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định;</p> <p>b) Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xét đơn đề nghị và quyết định việc miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định. Trường hợp chấp nhận đề nghị miễn, giảm của đương sự thì trong quyết định phải nêu rõ số tiền được miễn, giảm. Trường hợp không chấp nhận thì trong quyết định phải nêu rõ lý do. Quyết định của Hội đồng xét xử được công bố tại phiên tòa và được gửi cho người đề nghị; đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ phục vụ xem xét, thẩm định tại chỗ; tổ chức, cá nhân thực hiện giám định biết trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.</p> <p>2. Đối với việc dân sự, Thẩm phán được phân công giải quyết có thẩm quyền xét đơn đề nghị và quyết định việc miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. Trường hợp chấp nhận đề nghị miễn, giảm của đương sự thì trong quyết định phải nêu rõ số tiền được miễn, giảm. Trường hợp không chấp nhận thì trong quyết định phải nêu rõ lý do. Quyết định này phải được gửi cho người đề nghị; đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ phục vụ xem xét, thẩm định tại chỗ; tổ chức, cá nhân thực hiện giám định biết trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.</p>	<p>tụng thì gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp các quyết định này để bảo đảm cho Viện kiểm sát thực hiện kiểm sát hiệu quả, đầy đủ các quyết định của Tòa án, kịp thời kiến nghị nếu phát hiện có vi phạm xảy ra.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	<p>02/2012/UBTVQH13, theo đó không quy định về việc gửi cho Viện kiểm sát các văn bản này.</p>
<p>Điều 9. Thủ tục đề nghị miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>1. Người có nghĩa vụ nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định thuộc đối</p>		

<p>tượng được miễn, giảm quy định tại Điều 5, Điều 6 của Pháp lệnh này phải có đơn đề nghị gửi Tòa án kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm.</p> <p>2. Đơn đề nghị miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định phải có các nội dung chính quy định tại khoản 2 Điều 7 của Pháp lệnh này.</p>		
<p>Điều 10. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>1. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định được thực hiện như sau:</p> <p>a) Trường hợp vụ án được giải quyết mà không phải mở phiên tòa thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có thẩm quyền quyết định miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định;</p> <p>b) Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có thẩm quyền quyết định miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định;</p> <p>c) Đối với việc dân sự, Thẩm phán được phân công giải quyết việc dân sự có thẩm quyền quyết định miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định.</p> <p>2. Việc miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định phải được ghi trong bản án, quyết định của Tòa án.</p>		
<p>Điều 11. Thủ tục quyết định miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>1. Người được quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này có thẩm quyền xét đơn đề nghị và quyết định việc miễn, giảm hoặc không miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định.</p> <p>2. Trường hợp chấp nhận đề nghị miễn, giảm thì trong quyết định phải nêu rõ số tiền được</p>	<p>Đề nghị bổ sung nội dung khi Tòa án quyết định miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí tố tụng và quyết định miễn giảm chi phí tố tụng thì gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp các quyết định này để bảo đảm cho Viện kiểm sát thực hiện kiểm sát hiệu quả, đầy đủ các quyết định của Tòa án, kịp</p>	<p>Giải trình: dự thảo Pháp lệnh kế thừa Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13, theo đó không quy định về việc gửi cho Viện kiểm sát các văn bản này.</p>

<p>miễn, giảm; trường hợp không chấp nhận thì trong quyết định phải nêu rõ lý do.</p> <p>3. Quyết định miễn, giảm hoặc không miễn, giảm phải được gửi cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ phục vụ xem xét, thẩm định tại chỗ; tổ chức, cá nhân thực hiện giám định và người có đơn đề nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.</p>	<p>thời kiến nghị nếu phát hiện có vi phạm xảy ra.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	
<p>Điều 12. Mức giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>Mức tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định được giảm không được vượt quá 50% tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định mà người đó phải nộp.</p>	<p>Đề nghị bổ sung vào Điều 12 dự thảo Pháp lệnh quy định về căn cứ xác định mức giảm tiền tạm ứng chi phí tố tụng, chi phí tố tụng để có cơ sở thống nhất áp dụng trên thực tiễn.</p> <p>(Bộ Công an)</p>	<p>Giải trình: mức miễn giảm sẽ tùy vào từng trường hợp cụ thể, sẽ tiếp tục nghiên cứu các tiêu chí để xác định mức miễn giảm trong các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật.</p>

<p>Điều 13. Giải quyết khiếu nại về chi phí tố tụng</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại đến Chánh án Tòa án trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về nộp tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, chi phí định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch, người dịch thuật, chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và việc miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định.</p> <p>Chánh án Tòa án phải xem xét giải quyết khiếu nại trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại. Quyết định của Chánh án Tòa án là quyết định cuối cùng.</p> <p>2. Khiếu nại về nghĩa vụ nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch, người dịch thuật, chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và mức chi phí trong bản án, quyết định của Tòa án được giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng.</p>		
<p>Chương II CHI PHÍ ỦY THÁC TƯ PHÁP RA NƯỚC NGOÀI</p>		
<p>Mục 1 CHI PHÍ ỦY THÁC TƯ PHÁP RA NƯỚC NGOÀI TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ, TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH THEO PHÁP LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP</p>		
<p>Điều 14. Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài</p> <p>Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là số tiền cần thiết và hợp lý phải chi trả cho việc thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và của nước được yêu cầu ủy thác tư pháp.</p>	<p>Cần nhắc bỏ vì nội dung này đã được quy định tại Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

	<p>của Luật Tương trợ tư pháp và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 16/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự. Đề nghị quy định điều khoản về chi phí tư pháp như sau: “<i>Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và trình tự thu, nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được thực hiện theo pháp luật tương trợ tư pháp</i>”.</p> <p>(Bộ Tư pháp)</p>	
<p>Điều 15. Quản lý, sử dụng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài</p> <p>1. Cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính mà làm phát sinh yêu cầu ủy thác tư pháp ra nước ngoài phải nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và của nước được yêu cầu ủy thác tư pháp.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự, hành chính ra nước ngoài có trách nhiệm thu chi phí phát sinh trong nước và thông báo cho cá nhân, tổ chức có yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này các chi phí theo yêu cầu của nước ngoài để thực hiện trước khi gửi hồ sơ ra nước ngoài. Trong trường hợp phát sinh chi phí thực tế trong nước, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện việc tạm thu một khoản chi phí để thanh toán theo hóa đơn, chứng từ thực tế theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia liên quan.</p>	<p>Cần nhắc bỏ vì nội dung này đã được quy định tại Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tương trợ tư pháp và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 16/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự. Đề nghị quy định điều khoản về chi phí tư pháp như sau: “<i>Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và trình tự thu, nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được thực hiện theo pháp luật tương trợ tư pháp</i>”.</p> <p>(Bộ Tư pháp)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

<p>Điều 16. Nghĩa vụ nộp tạm ứng, nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài</p> <p>1. Đương sự quy định tại Điều 152 và Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 353 và Điều 354 của Luật Tố tụng hành chính có nghĩa vụ nộp tạm ứng, chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài đối với các yêu cầu tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ việc dân sự và tổng đạt quyết định kháng nghị, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Nhà nước bảo đảm kinh phí để Tòa án thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án Việt Nam trong trường hợp đương sự ở nước ngoài không có người đại diện hợp pháp tại Việt Nam, không có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc đương sự này không ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tại Việt Nam, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam nhận văn bản tố tụng. Khi Tòa án ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc thì phải quyết định việc đương sự chịu chi phí này để hoàn trả cho ngân sách Nhà nước.</p>	<p>Đề nghị chỉnh sửa khoản 1, Điều 16 như sau: “...<i>để giải quyết vụ việc dân sự và tổng đạt quyết định kháng nghị, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm hoặc các văn bản tố tụng khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này...</i>” để bảo đảm đầy đủ các quyết tố tụng cần tổng đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	
<p>Điều 17. Xác định chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài</p> <p>1. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài bao gồm lệ phí và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia liên quan.</p> <p>2. Căn cứ nội dung yêu cầu ủy thác tư pháp cụ thể, chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:</p> <p>a) Chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ ủy thác tư pháp;</p> <p>b) Chi phí tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp ở nước ngoài;</p> <p>c) Chi phí thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước ngoài;</p> <p>d) Chi phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia liên quan.</p> <p>3. Lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.</p>	<p>Cần nhắc bỏ khoản 1, khoản 2 Điều này vì nội dung này đã được quy định tại Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tương trợ tư pháp và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 16/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự. Đề nghị quy định điều khoản về chi phí tư pháp như sau: “<i>Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và trình tự thu, nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được thực hiện theo pháp luật tương trợ tư pháp</i>”.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

	(Bộ Tư pháp)	
<p>Điều 18. Thu, nộp chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài Việc thu, nộp chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài được thực hiện theo pháp luật tương trợ tư pháp.</p>		
<p style="text-align: center;">Mục 2</p> <p style="text-align: center;">CHI PHÍ TỔNG ĐẠT, THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG CỦA TÒA ÁN CHO ĐƯƠNG SỰ Ở NƯỚC NGOÀI TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ, TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH THÔNG QUA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI</p>		
<p>Điều 19. Xác định chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng Chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng thông qua Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài bao gồm tiền cước bưu chính ở trong nước, tiền cước bưu chính ở nước ngoài, tiền dịch văn bản tố tụng và chứng thực chữ ký người dịch.</p>		
<p>Điều 20. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, chịu chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, chịu chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng được xác định theo quy định tại Điều 152, Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 353, Điều 354 của Luật Tố tụng hành chính.</p>		
<p>Điều 21. Trình tự, thủ tục thu, nộp chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng</p> <ol style="list-style-type: none"> Đương sự nộp tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho Tòa án. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện các yêu cầu tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án bằng kinh phí ngân sách Nhà nước. Sau khi thực hiện xong, cơ quan đại diện gửi cho Tòa án hóa đơn thực tế thanh toán chi phí bưu chính gửi hồ sơ tổng đạt của Tòa án cho đương sự ở nước sở tại. Căn cứ hóa đơn đó, Tòa án yêu cầu đương sự nộp chi phí vào ngân sách nhà nước sau khi đã đối trừ số tiền tạm ứng chi phí mà đương sự đã nộp. Tòa án nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính quy định chi tiết 		

Điều này.		
<p style="text-align: center;">Mục 3</p> <p style="text-align: center;">CHI PHÍ ỦY THÁC TƯ PHÁP RA NƯỚC NGOÀI TRONG</p> <p style="text-align: center;">TỔ TỤNG HÌNH SỰ THEO PHÁP LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP</p>	<p>Đề nghị bổ sung phần chi phí cho hoạt động thu hồi tài sản ở nước ngoài, bởi đây cũng là hoạt động ủy thác tư pháp ra nước ngoài trong tổ tụng hình sự và Bên yêu cầu phải chịu toàn bộ chi phí cho các hoạt động đề nghị phía nước ngoài phong tỏa, thu hồi tài sản cho Bên yêu cầu.</p> <p style="text-align: center;">((Viện Kiểm sát nhân dân tối cao))</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý
<p>Điều 22. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự</p> <p>Căn cứ nội dung yêu cầu ủy thác tư pháp cụ thể, cơ quan có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự được chi trả một số chi phí sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chi phí xử lý hồ sơ ủy thác tư pháp; 2. Chi phí dịch tài liệu; 3. Chi phí triệu tập người làm chứng, người giám định; 4. Chi phí tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp ở nước ngoài; 5. Chi phí chuyển phát tài liệu, hồ sơ tương trợ tư pháp ra nước ngoài; 6. Chi phí thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước ngoài; 7. Chi phí khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia liên quan. 	<p>Đề nghị bỏ khoản 4 (Chi phí tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp ở nước ngoài). Chi phí này sẽ do nước được yêu cầu thực hiện việc tổng đạt, thu thập chứng cứ chi trả.</p> <p>Bởi: mặc dù Điều 31 Luật tương trợ tư pháp năm 2007 quy định về chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự nhưng theo thông lệ quốc tế và thực tiễn đàm phán Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và các nước hiện nay đang quy định chi phí tương trợ tư pháp sẽ do Bên được yêu cầu chi trả (trừ một số loại chi phí được quy định tại Hiệp định).</p> <p>Trong khuôn khổ Hiệp định, cả Việt Nam và nước ngoài đều có thể là Bên yêu cầu hoặc Bên được yêu cầu nên nghĩa vụ về chi phí thực hiện tương trợ là bình đẳng như nhau. Nếu Việt Nam là Bên được yêu cầu thì phải chịu chi phí thực hiện tương trợ; nhưng nếu Việt Nam là Bên yêu cầu thì nước ngoài phải chịu chi phí thực hiện</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý

	<p>tương trợ (thay vì Việt Nam phải chịu như quy định tại Điều 31 Luật Tương trợ tư pháp 2007). Bên cạnh đó, cách quy định tại Điều 31 Luật tương trợ tư pháp 2007, nếu áp dụng trên thực tế, có thể dẫn đến việc gây tổn kém cho ngân sách Nhà nước vì số liệu thống kê đã cho thấy số lượng yêu cầu của Việt Nam gửi đi nước ngoài để tổng đạt tài liệu (Việt Nam với tư cách là nước yêu cầu) nhiều hơn số lượng yêu cầu tương trợ của nước ngoài gửi Việt Nam.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	
<p>Điều 23. Nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự</p> <p>1. Nhà nước bảo đảm chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự.</p> <p>2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài cùng là thành viên của điều ước quốc tế thì chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự được thực hiện theo điều ước quốc tế đó.</p> <p>3. Trường hợp Việt Nam và nước ngoài chưa cùng là thành viên của điều ước quốc tế thì việc chi trả chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại.</p>		
<p>Chương III</p> <p>CHI PHÍ XEM XÉT, THẨM ĐỊNH TẠI CHỖ</p>		
<p>Điều 24. Xác định chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ</p> <p>1. Căn cứ vào tính chất của đối tượng xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:</p> <p>a) Chi phí tiền lương, thù lao cho người tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ;</p> <p>b) Chi phí sử dụng dịch vụ;</p> <p>c) Chi phí đi lại;</p> <p>d) Chi phí lưu trú;</p>	<p>Điều 24 quy định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, có nêu căn cứ: “<i>Chi phí sử dụng dịch vụ</i>” (điểm b khoản 1) là chưa rõ ràng, đề nghị xác định rõ “<i>Chi phí sử dụng dịch vụ</i>” là những chi phí nào, để tránh áp dụng tùy nghi.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

<p>đ) Chi phí khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.</p>		
<p>Điều 25. Người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ</p> <p>Người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được xác định theo quy định tại Điều 156 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 357 của Luật Tố tụng hành chính, trừ trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ quy định tại Điều 5 của Pháp lệnh này.</p>		
<p>Điều 26. Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ</p> <p>1. Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được xác định theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 358 của Luật Tố tụng hành chính.</p> <p>2. Nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận.</p> <p>3. Nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.</p> <p>4. Bị đơn có yêu cầu phản tố phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận.</p> <p>5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận. Người có nghĩa vụ đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo phần yêu cầu độc lập được Tòa án chấp nhận.</p>	<p>Thực tế giải quyết các vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất cho thấy nhiều trường hợp Tòa án phải tiến hành lại việc thẩm định tại chỗ và kết quả lần sau không khác biệt hoặc khác biệt không nhiều so với kết quả thẩm định tại chỗ lần trước. Trường hợp này, rõ ràng việc sai sót trong thẩm định tại chỗ và đo đạc thực tế là thuộc về Tòa án hoặc những người có trách nhiệm thực hiện. Do vậy, đề nghị Pháp lệnh bổ sung quy định nghĩa vụ phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ trong trường hợp phải thực hiện thẩm định tại chỗ lại do có sai sót của Tòa án hoặc người thực hiện.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>
<p>Điều 27. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ</p> <p>1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ, Tòa án xác định số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thông báo cho người yêu cầu biết để đến Tòa án nộp tiền tạm ứng; thông báo phải nêu rõ số tiền, thời hạn và phương thức nộp tiền.</p> <p>2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều này, người yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ phải nộp tiền tạm</p>		

<p>ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</p>		
<p>Điều 28. Thanh toán chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ</p> <p>1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, Tòa án thông báo cho người yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.</p> <p>2. Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ chưa đủ chi phí thực tế thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ phải nộp tiếp tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</p>		
<p style="text-align: center;">Chương IV CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Về cơ bản, nội dung quy định về chi phí giám định tư pháp trong dự thảo Pháp lệnh vẫn như quy định hiện hành, một số điểm chỉnh sửa không bảo đảm tính chính xác và đúng với thực tế về chi phí giám định trong hoạt động tố tụng, không làm thay đổi về bản chất và nội dung trọng tâm cần sửa đổi, hoàn thiện về chi phí giám định, nên không thể khắc phục được những hạn chế, bất cập của quy định hiện hành về vấn đề này. - Quy định hiện nay chỉ thiên về phục vụ tố tụng dân sự, hành chính, chưa có quy định phù hợp với hoạt động tố tụng hình sự trong khi đây mới là lĩnh vực đang có nhiều vướng mắc, cần được giải quyết để tháo gỡ góp phần nâng cao hiệu quả, kết quả giải quyết án tham nhũng, kinh tế theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo trung ương về phòng chống tham nhũng. - Tại cuộc họp góp ý dự thảo, đại diện Bộ Tư pháp đã nêu ý kiến về các quy định về chi phí giám định trong dự thảo Pháp lệnh, 	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

đồng thời đã đề xuất trao đổi kỹ, thống nhất, cùng với Đơn vị thường trực của Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự án Pháp lệnh này chỉnh lý trực tiếp một số điều, khoản cụ thể về chi phí giám định và một số nội dung lớn, định hướng đối với các quy định khác về chi phí giám định cần phải được tiếp tục chỉnh lý trong Dự thảo với tinh thần phải xây dựng và cơ cấu lại khái niệm chi phí giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng, tính chất của chi phí giám định là như thế nào (chi phí thực tế, cần thiết và hợp lý cho việc thực hiện giám định và phát sinh trong quá trình trung cầu giám định và người giám định tham gia tố tụng)... Tuy nhiên, đến nay, những nội dung quy định đã được trao đổi, thảo luận kỹ lưỡng và thống nhất, chỉnh lý trực tiếp giữa các bên đã không được quy định trong dự thảo Pháp lệnh.

- Đề nghị rà soát, nghiên cứu kỹ lưỡng để hoàn thiện các quy định về chi phí giám định đảm bảo khắc phục vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành; tiếp thu tối đa các ý kiến góp ý, xây dựng nội dung có liên quan của các cơ quan, đơn vị tham gia, phối hợp như đã nêu trên.

(Bộ Tư pháp)

- Bộ Công an đã nhiều lần có ý kiến về khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện quy định của pháp luật về chi phí giám định của tổ chức giám định tư pháp công lập về lĩnh vực kỹ thuật hình sự (Tại Công văn số

	<p>195/BCA-V03 ngày 31/1/2023, Công văn số 220/BCA-V03 ngày 01/02/2023, Phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ số 64/PLYK/2023 ngày 17/3/2023); tuy nhiên, tại dự thảo Pháp lệnh chưa có quy định giải quyết được những điểm bất cập trên thực tiễn. Vì vậy, đề nghị bổ sung vào Chương IV dự thảo Pháp lệnh quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp tính chi phí giám định phù hợp với tính chất đặc thù của chủ thể thực hiện giám định; theo đó, cần xác định cách tính chi phí giám định riêng cho tổ chức giám định tư pháp công lập (do Nhà nước thành lập, bảo đảm điều kiện hoạt động) trên cơ sở ban hành định mức bù đắp chi phí bỏ ra, khấu hao máy móc, thiết bị, mức tiêu thụ vật tư tiêu hao, chi phí cần thiết khác và ngân sách nhà nước trực tiếp cấp, chi trả theo cơ chế Nhà nước giao khoán việc. Đồng thời, cần có quy định giao trách nhiệm cho các cơ quan liên quan hướng dẫn về định mức kinh tế, kỹ thuật làm cơ sở cho việc tính chi phí giám định.</p> <p>(Bộ Công an)</p> <p>- Về thủ tục nộp tạm ứng chi phí tổ tụng, thủ tục nộp chi phí tố tụng, tại Điều 34 (về thủ tục nộp tạm ứng chi phí giám định), Điều 35 (về thanh toán chi phí giám định), Điều 40 (về thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản), Điều 41 (về thanh toán chi phí định giá tài sản), Điều 45 (thủ</p>	
--	---	--

	<p>tục nộp tiền tạm ứng chi trả chi phí cho người làm chứng), đề nghị bổ sung quy định về hồ sơ đề nghị tạm ứng, hồ sơ đề nghị thanh toán, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để thực hiện.</p> <p>(Bộ Công an)</p>	
<p>Điều 29. Xác định chi phí giám định</p> <p>1. Chi phí giám định bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:</p> <p>a) Chi phí tiền lương, thù lao cho người thực hiện giám định;</p> <p>b) Chi phí vật tư tiêu hao;</p> <p>c) Chi phí sử dụng dịch vụ;</p> <p>d) Chi phí khấu hao máy móc, phương tiện, thiết bị;</p> <p>đ) Chi phí bảo quản, vận chuyển đối tượng giám định;</p> <p>e) Các chi phí cần thiết cho cá nhân thực hiện giám định tham gia tố tụng gồm chi phí đi lại, chi phí lưu trú.</p> <p>g) Chi phí khác theo quy định của pháp luật và chi phí cần thiết khác phát sinh do thực hiện hoạt động mà pháp luật quy định.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>Điều 29 dự thảo Pháp lệnh mới chỉ bổ sung được chi phí phát sinh cho việc trưng cầu, nhưng lại không kể đến chi phí cần thiết tham dự phiên tòa của người giám định và quan trọng hơn cả là cần phải đưa ra được quy định: chi phí giám định gồm cấu thành những loại chi phí cho từng giai đoạn của tố tụng như (1) chi phí phát sinh khi trưng cầu, (2) chi phí thực tế, cần thiết cho việc thực hiện giám định, (3) chi phí chi trả cho người giám định phải xuất hiện trong hoạt động tố tụng với tư cách là nhân chứng chuyên môn như chi phí đi lại (vé máy bay, tàu hỏa...), chi phí lưu trú trong quá trình tham dự phiên tòa...</p> <p>(Bộ Tư pháp)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>
<p>Điều 30. Trách nhiệm, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>1. Trách nhiệm nộp tạm ứng chi phí giám định trong tố tụng hình sự</p> <p>Cơ quan tiến hành tố tụng ra quyết định trưng cầu giám định có trách nhiệm nộp tạm ứng chi phí giám định.</p>		

<p>2. Nghĩa vụ nộp tạm ứng chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>a) Đương sự có yêu cầu được Tòa án chấp nhận ra quyết định trưng cầu giám định có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định tại Điều 5 của Pháp lệnh này.</p> <p>b) Nguyên đơn, người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người khởi kiện, người kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định trong trường hợp Tòa án xét thấy cần thiết và quyết định trưng cầu giám định, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định tại Điều 5 của Pháp lệnh này.</p>		
<p>Điều 31. Trách nhiệm, nghĩa vụ chi trả chi phí giám định trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>1. Trách nhiệm chi trả chi phí giám định trong tố tụng hình sự</p> <p>a) Cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu giám định có trách nhiệm chi trả chi phí giám định. Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, nếu Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng không phải chịu chi phí giám định; người bị hại yêu cầu khởi tố phải hoàn trả cho cơ quan tiến hành tố tụng chi phí giám định đã nộp.</p> <p>b) Cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập người giám định tham gia tố tụng có trách nhiệm chi trả.</p> <p>c) Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng nhận được tin báo, tố giác tội phạm và ra văn bản yêu cầu giám định nhưng sau đó không có căn cứ khởi tố vụ án hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng đó có trách nhiệm chi trả chi phí giám định.</p>	<p>- Điểm a khoản 1 Điều 31 dự thảo Pháp lệnh quy định trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, nếu Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng không phải chịu chi phí giám định; người bị hại yêu cầu khởi tố phải hoàn trả cho cơ quan tiến hành tố tụng chi phí giám định đã nộp. Tuy nhiên, trên thực tế có nhiều trường hợp người bị hại không tự nguyện hoàn trả chi phí giám định; vì vậy, cần có quy định về việc thu hồi chi phí giám định trong trường hợp nêu trên để tránh lãng phí nguồn ngân sách nhà nước.</p> <p>(Bộ Công an)</p> <p>- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nên có căn cứ xác định rõ "<i>có giá trị cho việc giải</i></p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý theo hướng tuyên trong Bản án và Quyết định đình chỉ vụ án để được thi hành bởi cơ quan thi hành án, theo đó, nếu ko tự nguyện thì sẽ cưỡng chế thi hành.</p> <p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

<p>2. Nghĩa vụ chịu chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>a) Việc xác định người có nghĩa vụ chịu chi phí giám định trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 362 của Luật Tố tụng hành chính.</p> <p>b) Trường hợp Tòa án xét thấy cần thiết và quyết định trưng cầu giám định theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, nếu kết quả giám định không có giá trị cho việc giải quyết vụ án thì Tòa án phải chịu chi phí giám định; nếu kết quả giám định có giá trị cho việc giải quyết vụ án thì bên đương sự thua kiện phải chịu chi phí giám định.</p>	<p><i>quyết vụ án</i> " quy định tại điểm b khoản 2 Điều 31 là như thế nào để làm cơ sở yêu cầu đương sự thanh toán chi phí tố tụng, phù hợp với nguyên tắc tự định đoạt của đương sự.</p> <p>(Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam)</p> <p>- Theo điểm a khoản 1 Điều 31 thì trong trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, nếu bị cáo được Tòa án tuyên không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự thì mặc dù cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu giám định thì người bị hại vẫn phải chịu chi phí giám định (người bị hại phải hoàn trả cho cơ quan tiến hành tố tụng chi phí giám định đã nộp). Chúng tôi cho rằng, quy định như vậy là chưa hợp lý, trong trường hợp người bị hại không yêu cầu giám định mà cơ quan tiến hành tố tụng thấy cần thiết phải giám định và ra văn bản yêu cầu giám định thì trong mọi trường hợp (bị cáo bị Tòa án tuyên có tội hay không có tội) cơ quan tiến hành tố tụng vẫn phải chi trả chi phí giám định này. Vì vậy, đề nghị xem xét bỏ đoạn "<i>Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại... chi phí giám định đã nộp.</i>" tại điểm a khoản 1 Điều 31 dự thảo Pháp lệnh.</p> <p>(Liên đoàn Luật sư Việt Nam)</p>	
<p>Điều 32. Chi phí giám định trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện</p>		

<p>bắt buộc; xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính</p> <p>1. Cơ quan trung cầu giám định trong quá trình Tòa án xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm nộp tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định.</p> <p>2. Cơ quan trung cầu giám định trong quá trình Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm nộp tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định.</p>		
<p>Điều 33. Chi phí giám định trong trường hợp người yêu cầu giám định tự mình yêu cầu giám định</p> <p>Người đã đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng trong vụ án hình sự, vụ án dân sự, vụ án hành chính mà không được chấp nhận và tự mình yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện giám định thì có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.</p>		
<p>Điều 34. Thủ tục nộp tạm ứng chi phí giám định</p> <p>1. Thủ tục nộp tạm ứng chi phí giám định trong tố tụng hình sự</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân thực hiện giám định xác định và thông báo cho cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu giám định về mức tiền tạm ứng, thời gian nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.</p> <p>b) Cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu giám định có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo thông báo của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.</p> <p>2. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu giám định của Tòa án, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định phải thông báo cho Tòa án biết về số tiền tạm ứng chi phí giám định.</p>		

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định, Tòa án có trách nhiệm thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí giám định cho người yêu cầu giám định.

c) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án theo quy định tại điểm b khoản này hoặc trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định không chấp nhận đề nghị miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí giám định hoặc quyết định giảm tiền tạm ứng chi phí giám định, người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định phải đến Tòa án nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

d) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thu tiền tạm ứng chi phí giám định, Tòa án phải chuyển số tiền đó cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định. Tổ chức, cá nhân thực hiện giám định phải cấp hóa đơn hoặc biên nhận tiền tạm ứng chi phí giám định cho Tòa án.

đ) Hết thời hạn quy định tại điểm c khoản này mà người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định thì Tòa án thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định về việc người yêu cầu giám định không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định. Trường hợp này, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định có quyền từ chối thực hiện giám định.

3. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí giám định khi trưng cầu giám định trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu giám định của cơ quan trưng cầu giám định, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định phải thông báo cho cơ quan trưng cầu giám định biết về mức tiền tạm ứng, thời gian nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

b) Cơ quan trưng cầu giám định có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo thông báo của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

Điều 35. Thanh toán chi phí giám định

1. Sau khi có kết quả giám định, tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định thông báo cho cơ quan trung cầu giám định, người yêu cầu giám định về chi phí giám định. Thông báo về chi phí giám định phải nêu rõ cụ thể từng loại chi phí, tổng số tiền chi phí, số tiền chi phí mà cơ quan trung cầu giám định, người yêu cầu giám định phải nộp thêm do tạm ứng chi phí chưa đủ hoặc được trả lại do tạm ứng chi phí thừa so với chi phí giám định thực tế phải trả (nếu có).

2. Thanh toán chi phí giám định trong tố tụng hình sự

a) Cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu giám định có trách nhiệm thanh toán chi phí giám định theo mức, thời hạn, phương thức mà tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định thông báo.

b) Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, nếu Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng thể hiện rõ trong bản án, quyết định đình chỉ vụ án về trách nhiệm của bị hại phải hoàn trả cho cơ quan tiến hành tố tụng chi phí giám định mà cơ quan tiến hành tố tụng đã nộp cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

c) Người đã đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng mà không được chấp nhận và tự mình yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện giám định, nếu kết quả giám định không có giá trị cho việc giải quyết vụ án thì phải chịu chi phí giám định; nếu kết quả giám định có giá trị cho việc giải quyết vụ án thì cơ quan tiến hành tố tụng đã từ chối trung cầu giám định phải hoàn trả chi phí giám định mà người yêu cầu giám định đã nộp cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

d) Tòa án thanh toán các chi phí cần thiết cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tham gia tố tụng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 29 của Pháp lệnh này khi nhận được đầy đủ hóa đơn, chứng từ của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

<p>3. Thanh toán chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính có trách nhiệm thông báo cho người yêu cầu giám định biết để đến Tòa án nộp chi phí giám định. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người yêu cầu giám định phải nộp chi phí giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>b) Người yêu cầu giám định đã thanh toán chi phí giám định mà không có nghĩa vụ nộp chi phí giám định theo quy định tại Điều 24, Điều 26 của Pháp lệnh này được hoàn trả số chi phí giám định đã nộp.</p> <p>c) Người yêu cầu giám định được miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định thì cơ quan tiến hành tố tụng đã trưng cầu giám định có trách nhiệm thanh toán số tiền đã miễn, giảm đó cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.</p> <p>d) Tòa án căn cứ vào quy định tại điểm b, c khoản này quyết định nghĩa vụ nộp chi phí giám định, miễn, giảm chi phí giám định, hoàn trả chi phí giám định của các bên đương sự trong bản án, quyết định.</p> <p>đ) Tòa án thanh toán các chi phí cần thiết cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tham gia tố tụng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 29 của Pháp lệnh này khi nhận được đầy đủ hóa đơn, chứng từ của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.</p> <p>4. Cơ quan trưng cầu giám định trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm thanh toán chi phí giám định theo mức, thời hạn, phương thức mà tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định thông báo.</p>		
<p>Điều 36. Chi phí giám định bổ sung, giám định lại</p> <p>1. Chi phí giám định bổ sung, giám định lại trong tố tụng hình sự</p> <p>Cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu giám định bổ sung, giám định lại thì phải</p>		

<p>nộp tiền tạm ứng và chi trả chi phí giám định theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 của Pháp lệnh này.</p> <p>2. Chi phí giám định bổ sung, giám định lại trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>a) Đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính có yêu cầu giám định bổ sung, giám định lại được Tòa án chấp nhận ra quyết định trưng cầu giám định có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định và chịu chi phí giám định được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 30 và khoản 2 Điều 31 của Pháp lệnh này.</p> <p>b) Trường hợp xét thấy cần thiết, Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại thì người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định và chi trả chi phí giám định được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 30 và khoản 2 Điều 31 của Pháp lệnh này.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục nộp tạm ứng chi phí giám định, thanh toán chi phí giám định và xử lý chi phí giám định đối với giám định bổ sung, giám định lại được thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Pháp lệnh này.</p>		
<p>Chương V</p> <p>CHI PHÍ ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN</p>		
<p>Điều 37. Xác định chi phí định giá tài sản</p> <p>1. Căn cứ tính chất của đối tượng định giá, chi phí định giá tài sản bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:</p> <p>a) Chi phí tiền lương, thù lao cho người thực hiện định giá;</p> <p>b) Chi phí thu thập, phân tích thông tin về đối tượng cần định giá;</p> <p>c) Chi phí vật tư tiêu hao;</p>		

<p>d) Chi phí sử dụng dịch vụ;</p> <p>đ) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.</p>		
<p>Điều 38. Trách nhiệm, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản</p> <p>1. Trong tố tụng hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu định giá tài sản có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản cho Hội đồng định giá.</p> <p>2. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, Tòa án ra quyết định định giá tài sản không phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá. Người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản được xác định theo quy định tại Điều 164 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 365 của Luật Tố tụng hành chính.</p>	<p>Đề nghị chỉnh sửa tên của Điều 38 dự thảo Pháp lệnh như sau để bảo đảm thống nhất với tên của Điều 30 dự thảo Pháp lệnh: <i>“Trách nhiệm, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính”</i>.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>
<p>Điều 39. Trách nhiệm chi trả, nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản</p> <p>1. Trong tố tụng hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Pháp lệnh này có trách nhiệm chi trả chi phí định giá tài sản.</p> <p>2. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản được xác định theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 366 của Luật Tố tụng hành chính.</p>	<p>Đề nghị chỉnh sửa tên của Điều 39 dự thảo Pháp lệnh như sau để bảo đảm thống nhất với tên của Điều 31 dự thảo Pháp lệnh: <i>“Trách nhiệm, nghĩa vụ chi trả chi phí định giá tài sản trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính”</i>.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>
<p>Điều 40. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản</p> <p>1. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản trong tố tụng hình sự</p> <p>a) Hội đồng định giá xác định và thông báo cho cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu định giá tài sản về mức tiền tạm ứng, thời gian nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản.</p> <p>b) Cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu định giá tài sản có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi</p>		

<p>phí định giá tài sản theo thông báo của Hội đồng định giá.</p> <p>2. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính</p> <p>a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được thành lập hoặc nhận được quyết định yêu cầu định giá của Tòa án, Hội đồng định giá, tổ chức thẩm định giá tài sản phải thông báo cho Tòa án và người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng biết để đến Tòa án nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản; thông báo phải nêu rõ số tiền, thời hạn và phương thức nộp tiền.</p> <p>b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Hội đồng định giá, tổ chức thẩm định giá tài sản, Tòa án có trách nhiệm thông báo cho người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng biết để đến Tòa án nộp tiền tạm ứng chi phí định giá.</p> <p>c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều này, người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá, trừ trường hợp các bên đương sự có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.</p> <p>d) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thu tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản, Tòa án phải chuyển số tiền đó cho Hội đồng định giá, tổ chức thẩm định giá tài sản.</p> <p>Hội đồng định giá, tổ chức thẩm định giá tài sản có quyền từ chối thực hiện việc định giá tài sản khi nhận được thông báo của Tòa án về việc người yêu cầu, người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản.</p>		
<p>Điều 41. Thanh toán chi phí định giá tài sản</p> <p>1. Sau khi có kết quả định giá, Hội đồng định giá, tổ chức thẩm định giá tài sản thông báo cho cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu định giá, Tòa án, người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng về chi phí định giá tài sản.</p> <p>2. Trong tố tụng hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu định giá có trách nhiệm thanh</p>		

<p>toán chi phí định giá theo mức, thời hạn, phương thức mà Hội đồng định giá thông báo.</p> <p>3. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, Tòa án thông báo cho người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng về chi phí định giá tài sản. Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí định giá chưa đủ chi phí thực tế thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng phải nộp tiếp tiền chi phí định giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí định giá đã nộp nhiều hơn chi phí định giá thực tế thì họ được trả lại phần tiền còn thừa.</p>		
<p>Điều 42. Chi phí định giá lại</p> <p>1. Trong tố tụng hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu định giá lại thì phải nộp tiền tạm ứng và chi trả chi phí định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 39 của Pháp lệnh này.</p> <p>2. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, đương sự có yêu cầu định giá lại được Tòa án chấp nhận ra quyết định định giá tài sản có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá và chi trả chi phí định giá. Trường hợp Tòa án quyết định việc định giá lại thì nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 39 của Pháp lệnh này.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục nộp tạm ứng chi phí định giá, thanh toán chi phí định giá đối với định giá lại được thực hiện theo quy định tại Chương này.</p>		
<p style="text-align: center;">Chương VI</p> <p style="text-align: center;">CHI PHÍ CHO NGƯỜI LÀM CHỨNG</p>	<p>- Đề nghị rà soát lại quy định tại Chương dự thảo Pháp lệnh về nguồn kinh phí để chi trả cho người làm chứng phù hợp với quy định tại Điều 167, Điều 168 BLTTDS năm 2015.</p> <p>(Bộ Tư pháp)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

	<p>- Dự thảo Pháp lệnh điều chỉnh cả về chi phí tố tụng trong dân sự, hành chính, hình sự nhưng chưa có quy định nào thể hiện rõ về chi phí cho người làm chứng trong tố tụng hình sự, đề nghị cân nhắc thể hiện rõ ràng hơn.</p> <p>(Liên đoàn Luật sư Việt Nam)</p>	
<p>Điều 43. Mức chi phí cho người làm chứng</p> <p>1. Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, chi phí cho người làm chứng do cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:</p> <p>a) Chi phí tiền lương, thù lao cho người làm chứng;</p> <p>b) Chi phí đi lại;</p> <p>c) Chi phí lưu trú;</p> <p>d) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.</p>	<p>Đề nghị chỉnh sửa tên của Điều 43 dự thảo Pháp lệnh như sau để bảo đảm phù hợp với nội dung của Điều luật và thống nhất với tên của Điều 29 dự thảo Pháp lệnh: “Xác định chi phí cho người làm chứng”.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>
<p>Điều 44. Mức tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng</p> <p>Mức tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng được tính bằng mức chi phí cho người làm chứng xác định theo quy định tại Điều 43 của Pháp lệnh này.</p>		
<p>Điều 45. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi trả chi phí cho người làm chứng</p> <p>1. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, người yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng. Người yêu cầu có nghĩa vụ cung cấp thông tin về số người làm chứng, nơi làm việc, nơi cư trú của họ và các thông tin cần thiết khác làm cơ sở để Tòa án xác định mức tiền tạm ứng chi phí cho người làm</p>		

<p>chứng.</p> <p>2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự triệu tập người làm chứng, Tòa án thông báo cho người có yêu cầu đến Tòa án để nộp tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng, trong thông báo phải nêu rõ số tiền, thời gian nộp tiền.</p> <p>3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng phải nộp tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng.</p>		
<p>Điều 46. Trách nhiệm, nghĩa vụ chi trả, nộp chi phí cho người làm chứng</p> <p>1. Cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập người làm chứng có trách nhiệm chi trả chi phí cho người làm chứng. Chi phí cho người làm chứng được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.</p> <p>2. Việc xác định người có nghĩa vụ nộp chi phí cho người làm chứng được thực hiện theo quy định tại Điều 167 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 368 của Luật Tố tụng hành chính.</p> <p>3. Tòa án phải quyết định nghĩa vụ nộp chi phí cho người làm chứng, hoàn trả lại chi phí cho các bên đương sự trong bản án, quyết định.</p>	<p>Khoản 1 Điều 46 Dự thảo quy định chung chung: “<i>Chi phí cho người làm chứng lấy từ kinh phí của cơ quan tiến hành tố tụng</i>” có thể hiểu là kinh phí được lấy từ ngân sách Nhà nước; trong khi đó khoản 2 Điều 46 Dự thảo lại quy định về những người có nghĩa vụ nộp chi phí cho người làm chứng, như vậy là mâu thuẫn. Vì vậy, đề nghị chỉnh sửa các quy định tại Chương VI Dự thảo Pháp lệnh để làm rõ chi phí cho người làm chứng trong các hoạt động tố tụng khác nhau (hình sự, dân sự, hành chính).</p> <p>(Liên đoàn Luật sư Việt Nam)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>
<p>Điều 47. Thanh toán chi phí cho người làm chứng</p> <p>1. Ngay sau khi kết thúc công việc làm chứng được triệu tập tại phiên tòa, phiên họp giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự, người làm chứng gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều này tới cơ quan tiến hành tố tụng để làm thủ tục thanh toán.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí cho người làm chứng bao gồm:</p> <p>a) Giấy đề nghị thanh toán chi phí cho người làm chứng có các nội dung chính sau: Tên,</p>		

<p>địa chỉ, mã số thuế của người đề nghị thanh toán chi phí người làm chứng; số tiền đề nghị thanh toán và phương thức thanh toán.</p> <p>b) Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán chi phí cho người làm chứng là bản chính các hóa đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí thực tế hợp lý đã phát sinh mà người làm chứng đã chi trả khi đến làm chứng.</p> <p>3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí cho người làm chứng, Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này và thực hiện chi trả chi phí cho người làm chứng theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí đã nộp chưa đủ thì người có nghĩa vụ nộp tiền chi phí cho người làm chứng phải nộp thêm phần tiền còn thiếu đó; nếu số tiền tạm ứng đã nộp vượt quá chi phí cho người làm chứng thì được trả lại phần tiền chênh lệch. Người đã nộp tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng không có nghĩa vụ phải trả theo quy định tại Điều 46 của Pháp lệnh này thì được hoàn trả số tiền đã nộp.</p>		
<p>Chương VII</p> <p>CHI PHÍ CHO NGƯỜI PHIÊN DỊCH, NGƯỜI DỊCH THUẬT</p>	<p>Đề nghị rà soát lại quy định tại VII dự thảo Pháp lệnh về nguồn kinh phí để chi trả cho người phiên dịch cho phù hợp với quy định tại Điều 167, Điều 168 BLTTDS năm 2015.</p> <p>(Bộ Tư pháp)</p> <p>Đề nghị bổ sung quy định về Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật vào nội dung của Chương VII dự thảo Pháp lệnh để bảo đảm rõ ràng, thuận lợi trong thực tiễn áp dụng.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>
<p>Điều 48. Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật</p>		

<p>1. Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật là số tiền cần thiết và hợp lý phải chi trả cho người phiên dịch, người dịch thuật do cơ quan tiến hành tố tụng xác định căn cứ vào quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Người biết chữ của người khuyết tật nhìn hoặc biết nghe, nói bằng ngôn ngữ, ký hiệu của người khuyết tật nghe, nói cũng được coi là người phiên dịch, người dịch thuật.</p>		
<p>Điều 49. Trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật</p> <p>1. Cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập người phiên dịch, người dịch thuật có trách nhiệm thanh toán chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật. Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.</p> <p>2. Người yêu cầu Tòa án triệu tập người phiên dịch, người dịch thuật có nghĩa vụ thanh toán chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.</p>		
<p>Điều 50. Mức chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật</p> <p>1. Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:</p> <p>a) Chi phí tiền công cho người phiên dịch, người dịch thuật;</p> <p>b) Chi phí đi lại;</p> <p>c) Chi phí lưu trú;</p> <p>d) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.</p>	<p>- Đề nghị chỉnh sửa tên của Điều 50 dự thảo Pháp lệnh như sau để bảo đảm phù hợp với nội dung của Điều luật và thống nhất với tên của Điều 37 dự thảo Pháp lệnh: “Xác định chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật”.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

<p>Điều 51. Mức tiền tạm ứng chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật</p> <p>Mức tiền tạm ứng chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật được tính bằng mức chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật xác định theo quy định tại Điều 50 của Pháp lệnh này.</p>		
<p>Điều 52. Thanh toán chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật</p> <p>Việc thanh toán chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật được thực hiện theo quy định tại Điều 47 của Pháp lệnh này.</p>		
<p>Chương VIII</p> <p>CHI PHÍ CHO NGƯỜI CHỨNG KIẾN</p>	<p>Giải trình rõ cơ sở đề xuất chi phí cho người chứng kiến tại Chương VIII dự thảo Pháp lệnh bởi Mục 2 Chương VI Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS) không đề cập đến đối tượng này và Điều 169 BLTTDS năm 2015 không giao quy định về chi phí cho người chứng kiến. Bên cạnh đó, việc quy định chi phí cho người chứng kiến cũng cần phải được rà soát kỹ lưỡng để tránh trùng lặp bởi trong một số trường hợp cụ thể người chứng kiến có thể là người làm chứng’</p> <p>(Bộ Tư pháp)</p>	<p>- Đối với cơ sở đề xuất chi phí cho người chứng kiến, tại hồ sơ đề nghị xây dựng pháp lệnh, cơ quan soạn thảo đã có đề xuất chi phí cho người chứng kiến và đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua</p> <p>- Tiếp thu ý kiến góp ý đối với ý kiến gộp chi phí cho người làm chứng và người chứng kiến vào cùng 1 chương để tránh sự trùng lặp</p>
<p>Điều 53. Cơ quan có trách nhiệm chi trả chi phí cho người chứng kiến</p> <p>Cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập người chứng kiến có trách nhiệm chi trả chi phí cho người chứng kiến. Chi phí cho người chứng kiến được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.</p>		

<p>Điều 54. Mức chi phí cho người chứng kiến</p> <p>1. Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, chi phí cho người chứng kiến do cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:</p> <p>a) Chi phí tiền lương, thù lao cho người chứng kiến;</p> <p>b) Chi phí đi lại;</p> <p>c) Chi phí lưu trú;</p> <p>d) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.</p>		
<p>Điều 55. Thanh toán chi phí cho người chứng kiến</p> <p>Việc thanh toán chi phí cho người chứng kiến được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 47 của Pháp lệnh này.</p>		
<p style="text-align: center;">CHƯƠNG IX</p> <p style="text-align: center;">CHI PHÍ CHO LUẬT SƯ, TRỢ GIÚP VIÊN PHÁP LÝ, BẢO CHỮA VIÊN NHÂN DÂN</p>	<p>Đề nghị rà soát lại quy định IX dự thảo Pháp lệnh về nguồn kinh phí để chi trả cho người luật sư cho phù hợp với quy định tại Điều 167, Điều 168 BLTTDS năm 2015. (Bộ Tư pháp)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>
<p style="text-align: center;">Mục 1</p> <p style="text-align: center;">CHI PHÍ CHO LUẬT SƯ, TRỢ GIÚP VIÊN PHÁP LÝ, BẢO CHỮA VIÊN NHÂN DÂN TRONG TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐỊNH NGƯỜI BẢO CHỮA</p>		

<p>Điều 56. Trách nhiệm chi trả chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa</p> <p>1. Cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định người bào chữa có trách nhiệm trả chi phí cho người bào chữa là luật sư do Đoàn luật sư phân công. Chi phí này được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.</p> <p>2. Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước có trách nhiệm chi trả chi phí cho người bào chữa là trợ giúp viên pháp lý, luật sư bào chữa trong trường hợp Trung tâm này cử người bào chữa. Chi phí này được lấy từ kinh phí hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước.</p> <p>3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm chi trả chi phí cho người bào chữa là bào chữa viên nhân dân. Chi phí này được lấy từ kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.</p>		
<p>Điều 57. Xác định chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa</p> <p>1. Chi phí cho người bào chữa là luật sư, trợ giúp viên pháp lý được xác định theo quy định của pháp luật luật sư và pháp luật trợ giúp pháp lý.</p> <p>2. Chi phí cho bào chữa viên nhân dân được xác định theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý.</p>	<p>- Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 57 dự thảo Pháp lệnh như sau: “<i>Chi phí cho người bào chữa là luật sư do tổ chức hành nghề luật sư cử được xác định theo quy định của pháp luật luật sư; trợ giúp viên pháp lý, luật sư do Trung tâm TGPL nhà nước cử được xác định theo quy định của pháp luật TGPL</i>”.</p> <p>- Khoản 2 Điều 57 quy định “<i>Chi phí cho bào chữa viên nhân dân được xác định theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý</i>”. Đề nghị bỏ quy định này vì pháp luật về TGPL không quy định về chi phí chi trả cho bào chữa viên nhân dân. Mặt khác, theo khoản 4 Điều 75 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2021)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

	<p>(sau đây viết tắt là BLTTHS) quy định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cử bào chữa viên nhân dân khi tham gia tố tụng: “<i>Người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận từ huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương trở lên cử bào chữa viên nhân dân để bào chữa cho người bị buộc tội là thành viên của tổ chức mình</i>” và khoản 4 Điều 135, khoản 1 Điều 136 BLTTHS quy định việc chi trả chi phí tố tụng cho bào chữa viên nhân dân thuộc trách nhiệm của cơ quan yêu cầu, chỉ định.</p> <p>(Bộ Tư pháp)</p>	
<p>Điều 58. Thanh toán chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa</p> <p>1. Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định người bào chữa thì sau khi kết thúc từng giai đoạn trong tố tụng, người bào chữa gửi đề nghị thanh toán chi phí cho cơ quan tiến hành tố tụng.</p> <p>2. Trường hợp Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử người bào chữa thì sau khi kết thúc công việc bào chữa, người bào chữa gửi đề nghị thanh toán chi phí cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.</p> <p>3. Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí cho cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Pháp lệnh này.</p> <p>4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đề nghị thanh toán, cơ quan tiến hành tố tụng đã chỉ định người bào chữa, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước đã cử người bào</p>	<p>Đề nghị bỏ các quy định tại khoản 2; khoản 3; khoản 4 để tránh sự chồng lấn, thiếu thống nhất với Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. Thay vào đó, đề nghị quy định chung theo hướng thủ tục và hồ sơ thanh toán chi phí cho trợ giúp viên pháp lý, luật sư do tổ chức thực hiện TGPL cử trong trường hợp chỉ định người bào chữa được thực hiện theo quy định của pháp luật TGPL vì hiện tại, thủ tục thanh toán, hồ sơ thanh toán thủ lao, bồi dưỡng cho người thực hiện TGPL (trợ giúp viên pháp lý, luật sư do tổ chức thực hiện TGPL cử) đã được quy định cụ thể tại Điều 15 Nghị định 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật TGPL và</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

<p>chữa có trách nhiệm chi trả cho người bào chữa.</p>	<p>Thông tư số 02/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn cách tính thời gian theo buổi làm việc thực tế và khoán chi vụ việc TGPL. (Bộ Tư pháp)</p>	
<p>Mục 2</p> <p>CHI PHÍ CHO LUẬT SƯ, TRỢ GIÚP VIÊN PHÁP LÝ TRONG THỦ TỤC XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH VIỆC ĐƯA NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY TỪ ĐỦ 12 TUỔI ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI VÀO CƠ SỞ CẢI NGHIỆN BẮT BUỘC, ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN</p>		
<p>Điều 59. Trách nhiệm chi trả chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý</p> <p>1. Tòa án yêu cầu Đoàn luật sư phân công tổ chức hành nghề luật sư cử luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính là người chưa thành niên mà không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp (người bị đề nghị) có trách nhiệm trả chi phí cho Luật sư. Chi phí cho Luật sư trong trường hợp này được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của Tòa án.</p> <p>2. Trường hợp Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị đề nghị thì do Trung tâm này chi trả. Chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp này được lấy từ kinh phí hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước.</p>		
<p>Điều 60. Xác định chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý</p> <p>Chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý được xác định theo quy định của pháp luật luật sư và pháp luật trợ giúp pháp lý.</p>	<p>- Đề nghị tách nội dung tại Điều 60 dự thảo Pháp lệnh thành hai nội dung là: (1) xác định chi phí cho luật sư và (2) xác định chi phí cho trợ giúp viên pháp lý tương tự như quy định tại Điều 57 của Dự thảo Pháp lệnh này, cụ thể như sau: “1. Chi phí cho luật sư do tổ chức hành nghề luật sư cử</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

	<p><i>được xác định theo quy định của pháp luật luật sư. 2. Chi phí cho trợ giúp viên pháp lý, luật sư do tổ chức thực hiện TGPL cử được xác định theo quy định của pháp luật TGPL”.</i></p> <p>(Bộ Tư pháp)</p> <p>- Theo quy định tại Điều 60 của Dự thảo thì chi phí cho luật sư trong thủ tục xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân được xác định theo quy định của pháp luật về luật sư. Tuy nhiên, Luật Luật sư hiện hành cũng như các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này hiện không có quy định về vấn đề này. Vì vậy, đề nghị bổ sung vào cuối Điều 60 của Dự thảo giao cho Chính phủ quy định chi tiết về việc xác định chi phí luật sư cho các trường hợp đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.</p> <p>(Liên đoàn Luật sư Việt Nam)</p>	
<p>Điều 61. Thanh toán chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý</p> <p>1. Trường hợp Tòa án yêu cầu Đoàn luật sư phân công tổ chức hành nghề luật sư cử luật sư thì sau khi kết thúc việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị đề nghị, luật sư gửi đề nghị thanh toán chi phí cho Tòa án.</p> <p>2. Trường hợp Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì sau khi kết thúc việc trợ giúp pháp lý, Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý gửi đề nghị</p>	<p>Đề nghị bỏ các quy định tại khoản 2, khoản 3 tránh sự chồng lấn, thiếu thống nhất với Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. Thay vào đó, đề nghị quy định chung theo hướng thủ tục và hồ sơ thanh toán chi phí cho trợ giúp viên pháp lý, luật sư do tổ chức thực hiện TGPL cử trong trường hợp chỉ định người bào chữa được thực hiện theo quy định của</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

<p>thanh toán chi phí cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.</p> <p>3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đề nghị thanh toán, Tòa án, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trách nhiệm chi trả.</p>	<p>pháp luật TGPL vì hiện tại, thủ tục thanh toán, hồ sơ thanh toán thù lao, bồi dưỡng cho người thực hiện TGPL (trợ giúp viên pháp lý, luật sư do tổ chức thực hiện TGPL cử) đã được quy định cụ thể tại Điều 15 Nghị định 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật TGPL và Thông tư số 02/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn cách tính thời gian theo buổi làm việc thực tế và khoán chi vụ việc TGPL.</p> <p>(Bộ Tư pháp)</p>	
<p style="text-align: center;">Chương X</p> <p style="text-align: center;">CHI PHÍ CHO HỘI THẨM NHÂN DÂN</p>	<p>- Đề nghị sửa đổi lại thành chi phí cho Hội thẩm (theo luật hiện nay có Hội thẩm nhân dân và Hội thẩm quân nhân). Đề nghị bổ sung việc giao Chính phủ quy định chi tiết về các loại chi phí cho Hội thẩm và tách riêng giữa Phụ cấp xét xử và Chi phí cho hội thẩm.</p> <p>(Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam)</p> <p>- Đề nghị bỏ quy định tại chương này.</p> <p>(Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Bộ Nội vụ)</p>	
<p>Điều 62. Chi phí cho Hội thẩm</p> <p>Chi phí cho Hội thẩm nhân dân bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:</p> <p>1. Phụ cấp xét xử;</p>		

<p>2. Chi phí đi lại;</p> <p>3. Chi phí lưu trú;</p> <p>4. Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.</p>		
<p>Điều 63. Phụ cấp xét xử</p> <p>1. Phụ cấp xét xử của Hội thẩm nhân dân tính theo thời gian thực tế tham gia phiên tòa và ngày làm việc nghiên cứu hồ sơ.</p> <p>2. Mức phụ cấp xét xử cho thời gian tham gia phiên tòa và ngày làm việc nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm nhân dân bằng 200% mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, tính theo ngày lương do Nhà nước quy định.</p> <p>3. Thời gian tham gia phiên tòa, thời gian làm việc nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm được Tòa án, Thẩm phán trực tiếp giải quyết vụ án xác nhận.</p>	<p>Điều 63 dự thảo Pháp lệnh bổ sung Phụ cấp xét xử là 01 loại Phụ cấp mới so với các loại phụ cấp đã được rà soát và sắp xếp lại các chế độ phụ cấp hiện hành theo Nghị quyết số 27-NQ/TW; đồng thời, dự thảo Pháp lệnh có quy định và bổ sung các chế độ mới có tính chất lương cho các đối tượng tại dự thảo Pháp lệnh (có thể là cán bộ, công chức, viên chức), có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước. Do đó, đề nghị rà soát và xem xét lại quy định về Phụ cấp xét xử tại Điều 63 dự thảo Pháp lệnh và các chế độ có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước cho phù hợp với Mục III.4 Nghị quyết số 27-NQ/TW: “<i>Bãi bỏ các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước như: Tiền bồi dưỡng hợp; tiền bồi dưỡng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án; hội thảo... Không gắn mức lương của cán bộ, công chức, viên chức với việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định chính sách, chế độ không có tính chất lương... Chỉ ban hành các chính sách, chế độ mới khi đã bố trí, cân đối được nguồn lực thực hiện</i>”.</p> <p>(Bộ Tư pháp)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

Chương XI		
CHI PHÍ TỔ TỤNG KHÁC		
Mục 1		
CHI PHÍ SAO CHỤP TÀI LIỆU		
<p>Điều 64. Chi phí sao chụp tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội trong tố tụng hình sự</p> <p><i>Phương án 1: Nhà nước chịu chi phí sao chụp tài liệu</i></p> <p>1. Trong tố tụng hình sự, trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng phải sao chụp tài liệu cung cấp cho bị can để đảm bảo thực hiện quyền của bị can được đọc, ghi chép bản sao tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội quy định tại điểm i khoản 2 Điều 60 Bộ luật Tố tụng hình sự thì chi phí sao chụp tài liệu là 1.500 đồng/trang A4.</p> <p>2. Nhà nước bảo đảm kinh phí đối với chi phí sao chụp tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội mà cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện để cung cấp cho bị can. Chi phí này được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.</p> <p><i>Phương án 2: Bị can có yêu cầu chịu chi phí sao chụp tài liệu</i></p> <p>Trong vụ án hình sự, trường hợp bị can có yêu cầu được đọc, ghi chép bản sao tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội quy định tại điểm i khoản 2 Điều 60 Bộ luật Tố tụng hình sự thì bị can phải chịu chi phí sao chụp tài liệu là 1.500 đồng/trang A4.</p>	<p>- Để đảm bảo quyền để bảo đảm cho việc thực hiện quyền đọc, ghi chép bản sao tài liệu của bị can, người bào chữa, cơ quan tiến hành tố tụng phải sao chụp tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội, bào chữa. Tuy nhiên, để giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, Bộ Tư pháp cho rằng nên quy định theo Phương án 2 là Bị can có yêu cầu chịu chi phí sao chụp tài liệu.</p> <p>(Bộ Tư pháp)</p> <p>- Điều 64 Dự thảo đưa ra 2 phương án về chi phí sao chụp tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội trong tố tụng hình sự, Liên đoàn Luật sư Việt Nam thống nhất theo quy định tại Phương án 1. Theo đó, Nhà nước chịu chi phí sao chụp tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội trong tố tụng hình sự, tuy nhiên, đề nghị xem xét lại chi phí chụp tài liệu là 1.500 đồng/trang A4 là quá cao so với chi phí thực tế sao chụp hiện nay.</p> <p>(Liên đoàn Luật sư Việt Nam)</p> <p>Đề nghị lựa chọn Phương án 2: “Bị can có yêu cầu chịu chi phí sao chụp tài liệu”, bởi đây là trường hợp bị can trong vụ án hình sự có yêu cầu được đọc, ghi chép bản sao</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

	<p>tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội quy định tại điểm i khoản 2 Điều 60 Bộ luật Tố tụng hình sự, trừ một số trường hợp có quy định khác của pháp luật.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	
<p>Điều 65. Chi phí sao chụp hồ sơ trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính</p> <p>1. Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân có yêu cầu Tòa án sao chụp hồ sơ việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì chi phí sao chụp là 1.500đ/trang A4.</p> <p>2. Chi phí sao chụp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này do Nhà nước bảo đảm. Chi phí này được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của Tòa án nhân dân.</p>	<p>Khoản 1 Điều 65 quy định chi phí sao chụp trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính là 1.500đ/trang A4 là không thực tế và quá cao so với chi phí thực tế. Hơn nữa, hiện nay, công nghệ 4.0 phát triển nên sử dụng hình thức “chụp” chứ không “sao”. Hơn nữa, Viện Kiểm sát và Tòa án đều sử dụng ngân sách Nhà nước nên việc lấy ngân sách Tòa án trả tiền cho yêu cầu sao chụp của Viện Kiểm sát là không hợp lý.</p> <p>(Liên đoàn Luật sư Việt Nam)</p> <p>khoản 1 Điều 65 dự thảo Pháp lệnh, đề nghị chỉnh sửa như sau: “1. Trường hợp Viện kiểm sát có yêu cầu Tòa án sao chụp hồ sơ việc xem xét, quyết định...” để bảo đảm phù hợp với hệ thống cơ quan Viện kiểm sát được điều chỉnh theo Pháp lệnh, bởi Viện kiểm sát bao gồm Viện kiểm sát nhân dân các cấp và Viện kiểm sát quân sự các cấp.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>
<p style="text-align: center;">Mục 2</p> <p>CHI PHÍ CHO NGƯỜI ĐẠI DIỆN DO TÒA ÁN CHỈ ĐỊNH TRONG TỔ TỤNG</p>		

DÂN SỰ, TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH		
<p>Điều 66. Trách nhiệm chi trả chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định</p> <p>Tòa án chỉ định người đại diện theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm c khoản 2 Điều 60 luật Tố tụng hành chính có trách nhiệm chi trả chi phí cho người đại diện. Chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của Tòa án nhân dân.</p>	<p>Đề nghị quy định những khoản “chi phí cho người đại diện” mà Tòa án có trách nhiệm chi trả. Bên cạnh đó, Điều 66 dự thảo Pháp lệnh quy định Tòa án có trách nhiệm chi trả chi phí cho người đại diện của Tòa án chỉ định trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 88 BLTTDS năm 2014 điểm c khoản 2 Điều 60 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 cần được rà soát kỹ và hoàn thiện để tránh xung đột với Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 vì trong một số trường hợp nhất định đương sự được Tòa chỉ định người đại diện cũng là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 7, Điều 27 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, việc thanh toán chi phí cho người đại diện thực hiện theo quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý mà không phải là Tòa án.</p> <p>(Bộ Tư pháp)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>
<p>Điều 67. Xác định và thanh toán chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định</p> <p>Việc xác định và thanh toán chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định được thực hiện theo quy định tại Điều 43 và các khoản 1, 2, 3 Điều 47 của Pháp lệnh này.</p>		
<p>Mục 3</p> <p>CHI PHÍ THÔNG BÁO TRÊN PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ, TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH</p>	<p>Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, Bộ Tư pháp cho rằng không nên đưa quy định về chi phí này vào bởi lẽ: phạm vi điều chỉnh của dự thảo Pháp lệnh theo quy định tại Mục 2 Chương IX của BLTTDS và Mục 2 Chương XXII</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

	<p>của Luật Tố tụng hành chính thì chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng không được xác định là “các chi phí tố tụng khác”; chi phí này được quy định trong BLTTDS, Luật Tố tụng hành chính nên cũng không thuộc nội hàm “<i>chi phí tố tụng khác được quy định tại luật khác</i>” quy định tại Điều 169 của BLTTDS, Điều 370 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.</p> <p>(Bộ Tư pháp)</p>	
<p>Điều 68. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng</p> <p>1. Đương sự yêu cầu Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thì phải nộp tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>2. Trường hợp Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng khi có căn cứ xác định việc niêm yết công khai không đảm bảo cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo thì:</p> <p><i>Phương án 1:</i> Nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p><i>Phương án 2:</i> Tòa án phải nộp tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.</p>	<p>Liên đoàn Luật sư Việt Nam thống nhất theo quy định tại Phương án 2, theo đó, trong trường hợp Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng khi có căn cứ xác định việc niêm yết công khai không đảm bảo cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo thì Tòa án phải nộp tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, vì khi đó Tòa án quyết định việc thông báo hay không thông báo nên Tòa án cần phải tạm ứng chi phí thông báo.</p> <p>(Liên đoàn Luật sư Việt Nam)</p> <p>VKSND tối cao nhất trí với phương án thứ nhất, theo đó người yêu cầu hoặc nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng và chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, do đây là các chi phí nhằm phục vụ cho việc giải quyết tranh chấp giữa các đương sự, việc quy định người yêu cầu hoặc nguyên đơn phải nộp các chi phí này</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý</p>

	là phù hợp vì bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho chính bản thân họ. (Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)	
<p>Điều 69. Nghĩa vụ chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng</p> <p>1. Đương sự yêu cầu Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thì có nghĩa vụ chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>2. Trường hợp Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng khi có căn cứ xác định việc niêm yết công khai không đảm bảo cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo thì:</p> <p><i>Phương án 1:</i> Nguyên đơn phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p><i>Phương án 2:</i> Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng có nghĩa vụ chịu chi phí. Chi phí này được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của Tòa án nhân dân.</p>	<p>Liên đoàn Luật sư Việt Nam thống nhất theo quy định tại Phương án 2, theo đó, Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng có nghĩa vụ chịu chi phí và chi phí này được lấy từ kinh phí hoạt động của Tòa án nhân dân.</p> <p>(Liên đoàn Luật sư Việt Nam)</p> <p>VKSND tối cao nhất trí với phương án thứ nhất, theo đó người yêu cầu hoặc nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng và chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, do đây là các chi phí nhằm phục vụ cho việc giải quyết tranh chấp giữa các đương sự, việc quy định người yêu cầu hoặc nguyên đơn phải nộp các chi phí này là phù hợp vì bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho chính bản thân họ.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý
<p>Điều 70. Mức chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng</p> <p>Mức chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do cơ quan, đơn vị báo chí, phát thanh, truyền hình cung cấp dịch vụ thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng xác định theo quy định pháp luật và thông báo cho Tòa án yêu cầu.</p>		
<p>Điều 71. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng</p>	<p>Liên đoàn Luật sư Việt Nam thống nhất theo quy định tại Phương án 2, theo đó, Tòa án xác định số tiền tạm ứng chi phí</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý

<p><i>Phương án 1: Người yêu cầu hoặc nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng</i></p> <p>1. Tòa án xác định số tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và thông báo cho người yêu cầu hoặc nguyên đơn biết để đến Tòa án nộp tiền tạm ứng; thông báo phải nêu rõ số tiền, thời hạn và phương thức nộp tiền.</p> <p>2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều này, người yêu cầu hoặc nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho Tòa án.</p> <p><i>Phương án 2: Tòa án phải nộp tiền tạm ứng</i></p> <p>Tòa án xác định số tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và nộp tiền tạm ứng.</p>	<p>thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và nộp tiền tạm ứng.</p> <p>(Liên đoàn Luật sư Việt Nam)</p> <p>VKSND tối cao nhất trí với phương án thứ nhất, theo đó người yêu cầu hoặc nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng và chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, do đây là các chi phí nhằm phục vụ cho việc giải quyết tranh chấp giữa các đương sự, việc quy định người yêu cầu hoặc nguyên đơn phải nộp các chi phí này là phù hợp vì bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho chính bản thân họ.</p> <p>(Viện Kiểm sát nhân dân tối cao)</p>	
<p>Điều 72. Thanh toán chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng</p> <p>1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thu tiền tạm ứng, Tòa án thực hiện thanh toán chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho cơ quan, đơn vị báo chí, đài phát thanh, truyền hình cung cấp dịch vụ thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Việc thanh toán phải có hóa đơn, chứng từ theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hóa đơn, chứng từ thanh toán, Tòa án thông báo cho người yêu cầu hoặc nguyên đơn về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đã nộp nhiều hơn chi phí thực tế thì người có nghĩa vụ nộp được trả lại phần tiền còn thừa.</p>		
<p>Mục 4</p>		

<p align="center">CHI PHÍ TỔNG ĐẠT RA NƯỚC NGOÀI VĂN BẢN TỐ TỤNG CỦA TÒA ÁN VIỆT NAM ĐỐI VỚI YÊU CẦU CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH HOẶC KHÔNG CÔNG NHẬN TẠI VIỆT NAM BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ CỦA TÒA ÁN NƯỚC NGOÀI; CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH PHÁN QUYẾT CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI</p>		
<p>Điều 73. Nghĩa vụ nộp chi phí</p> <p>Cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phải chịu chi phí tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án Việt Nam:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; 2. Yêu cầu Tòa án Việt Nam không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; 3. Yêu cầu Tòa án Việt Nam không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam; 4. Yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài; 5. Kháng cáo quyết định của Tòa án đối với yêu cầu quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này, nếu yêu cầu kháng cáo của họ không được chấp nhận. 		
<p>Điều 74. Các phương thức tổng đạt</p> <p>Tòa án thực hiện việc tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án theo một trong các phương thức sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo pháp luật tương trợ tư pháp; 		

<p>2. Thông qua cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài;</p> <p>3. Theo đường dịch vụ bưu chính đến địa chỉ của đương sự đang cư trú ở nước ngoài với điều kiện pháp luật nước đó đồng ý với phương thức tổng đạt này.</p>		
<p>Điều 75. Thu, nộp chi phí</p> <p>1. Đối với việc tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức quy định tại khoản 1 Điều 74 của Pháp lệnh này thì việc thu, nộp chi phí được thực hiện theo pháp luật tương trợ tư pháp.</p> <p>2. Đối với việc tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức quy định tại khoản 2 Điều 74 của Pháp lệnh này thì việc thu nộp chi phí được thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Pháp lệnh này.</p> <p>3. Đối với việc tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 74 của Pháp lệnh này thì người có nghĩa vụ nộp chi phí thanh toán trực tiếp cho người cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>4. Nhà nước bảo đảm kinh phí để Tòa án thực hiện việc tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 74 của Pháp lệnh này trong trường hợp đương sự ở nước ngoài không có người đại diện hợp pháp tại Việt Nam, không có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc đương sự này không ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tại Việt Nam, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam nhận văn bản tố tụng. Khi Tòa án ra quyết định giải quyết yêu cầu thì phải quyết định việc đương sự chịu chi phí này để hoàn trả cho ngân sách Nhà nước.</p>		
<p>Chương XII</p> <p>KINH PHÍ THANH TOÁN CHI PHÍ TỔ TỤNG</p>		
<p>Điều 76. Nguồn kinh phí chi trả</p> <p>1. Kinh phí thanh toán chi phí tố tụng mà cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm chi trả theo quy định của Pháp lệnh này được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo dự toán hằng</p>		

<p>năm của cơ quan đó.</p> <p>2. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí chi trả phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định đối với trường hợp đương sự được miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định theo quy định của Pháp lệnh này.</p> <p>3. Kinh phí để chi trả chi phí cho Hội thẩm được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p>		
<p>Điều 77. Lập dự toán kinh phí và phân bổ kinh phí chi trả</p> <p>Hằng năm, căn cứ chi phí tổ tụng thực tế đã chi của năm trước, cơ quan tiến hành tố tụng phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán kinh phí thanh toán để tổng hợp vào dự toán ngân sách cấp mình, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và được phân bổ cho cơ quan tiến hành tố tụng để thực hiện việc chi trả.</p>		
<p style="text-align: center;">Chương XIII</p> <p style="text-align: center;">ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>		
<p>Điều 78. Hiệu lực thi hành</p> <p>Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.</p> <p>Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28 tháng 3 năm 2012 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành.</p>		
<p>Điều 79. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành</p> <p>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Pháp lệnh; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Pháp lệnh này để đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước.</p>		

III. VẤN ĐỀ KHÁC

Nội dung góp ý	Tiếp thu/giải trình
<p>1. Về việc giao Chính phủ quy định chi tiết một số điều khoản tại Pháp lệnh:</p> <p>Điều 169 BLTTDS năm 2015 đã giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội “<i>căn cứ vào quy định của Bộ luật này, Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định cụ thể về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá tài sản; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch; chi phí tố tụng khác do luật khác quy định và việc miễn, giảm chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án</i>”. Vì vậy, đề nghị cân nhắc việc giao Chính phủ quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 24; khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 37; khoản 2 Điều 43; khoản 2 Điều 50; khoản 2 Điều 54; khoản 4 Điều 62... vì theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật BHVBQPPL thì cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không uỷ quyền tiếp.</p> <p>(Bộ Tư Pháp)</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý
<p>2. Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật BHVBQPPL thì văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác. Tuy nhiên, qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng, một số quy định của dự thảo Pháp lệnh như Điều 14, Điều 20, Điều 25, khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 46 được xây dựng theo cách viện dẫn lại quy định của BLTTDS, Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các quy định của của dự thảo Pháp lệnh để đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật BHVBQPPL.</p> <p>(Bộ Tư Pháp)</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý